

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN THANH XUÂN  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **31/2022/KDTM-ST**

Ngày: 15 tháng 7 năm 2022

V/v: *Đòi tiền cước sử dụng dịch vụ vận chuyển.*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*  
*Các Hội thẩm nhân dân*

**Bà Hoàng Thị Thoa**  
**Bà Nguyễn Thị Hồng**  
**Bà Lê Thị Minh Thủy**  
**Ông Vũ Thanh Tùng**

*Thư ký ghi biên bản phiên tòa*

Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân – Thành phố Hà Nội.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân tham gia phiên tòa:*

**Bà Dương Văn Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 42/2021/TLST-KDTM ngày 02 tháng 6 năm 2021; Về việc “Đòi tiền cước sử dụng dịch vụ vận chuyển” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2022/QĐXX-ST ngày 19/5/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2022/QĐST-DS ngày 17/6/2022, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn: Công ty TNHH D**

Địa chỉ trụ sở chính: Số X đường P, phường P, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh; Đại diện theo pháp luật: Ông I – Chủ tịch HĐQT; Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Như H – Luật sư – Theo văn bản ủy quyền ngày 23/11/2021.

**2. Bị đơn: Công ty TNHH K**

Địa chỉ trụ sở: Tầng Y, Số 184 N, phường N, quận T, thành phố Hà Nội; Đại diện theo pháp luật: Ông C – Chủ tịch kiêm Giám đốc.

Tại phiên tòa: đại diện nguyên đơn có mặt, đại diện bị đơn vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

[1] Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH D - Chi nhánh Hải Phòng là đơn vị hoạt động theo ủy quyền của Công ty TNHH D (gọi tắt là “**Công ty D**”) có hoạt động kinh doanh dịch vụ vận chuyển Logistics. Công ty TNHH K (gọi tắt là “**Công ty K**”) là khách hàng thường xuyên sử dụng dịch vụ vận chuyển của Công ty D – Chi nhánh Hải Phòng từ nhiều năm. Từ tháng 9/2018 đến tháng 7/2019 Công ty TNHH K sử dụng dịch vụ vận chuyển của Công ty D - Chi nhánh Hải Phòng với giá trị công nợ là 860.092.778đồng. Công ty D đã xuất đủ hóa đơn GTGT cho Công ty K, kèm theo mỗi hóa đơn GTGT là bảng kê cước vận chuyển cụ thể, tuy nhiên Công ty K không thực hiện việc thanh toán.

Ngày 05/3/2020, Công ty K xác nhận số dư công nợ Công ty D tính đến ngày 31/12/2019 là 860.092.778đồng, việc xác nhận nợ này được lập bởi Công ty TNHH kiểm toán A chi nhánh Miền Bắc. Ngoài số nợ đã được hai bên đối chiếu, Công ty K còn nợ thêm số tiền 13.663.185đồng (là tiền Thu chi hộ tháng 9/2018 đến tháng 12/2019). Tổng số tiền bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn là 873.755.963đồng.

Kể từ sau khi ký xác nhận công nợ, Công ty D nhiều lần gửi thông báo yêu cầu Công ty K phải thanh toán số tiền nợ tuy nhiên Công ty K vẫn không thực hiện việc trả nợ.

Căn cứ khoản 6 Điều 236 Luật Thương mại 2005 quy định, khách hàng sử dụng dịch vụ có nghĩa vụ “*Thanh toán cho thương nhân kinh doanh dịch vụ Logistics mọi khoản tiền đã đến hạn thanh toán*”, hành vi của bị đơn đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của nguyên đơn. Công ty D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc là 873.755.963đồng. Đối với số tiền lãi do chậm trả nợ gốc nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất quá hạn trung bình của ba Ngân hàng Agriank, Vietcombank và Viettinbank là 11,2%/năm đến ngày 04/5/2020 là 47.455.721đồng, tổng cả gốc và lãi là 921.211.684đồng. Ngoài ra Công ty D không có yêu cầu gì khác.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, ngày 21/6/2021 và ngày 30/10/2021 đại diện của bị đơn là ông C giám đốc có Đơn đề nghị gửi đến Tòa án nêu lý do về việc chưa bố trí được người ủy quyền đến Tòa án tham gia tố tụng để giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bị đơn, thông báo quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật tuy nhiên bị đơn không đến Tòa án làm việc, không có lời khai và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

\* Tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn phải thanh toán trả nợ tiền gốc theo Biên bản xác nhận công nợ ngày 05/3/2020 mà hai bên đã ký tính từ ngày 31/12/2019 là 860.092.778đồng. Đối với số tiền nợ 13.663.185đồng (là tiền thu chi hộ bị đơn từ tháng 9/2018 đến tháng 12/2019), nguyên đơn xin rút yêu cầu đối với số tiền này. Đối với số tiền lãi do chậm thanh toán tiền nợ gốc theo yêu cầu khởi kiện ban đầu được tính theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại, tại phiên tòa nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi 10%/năm kể từ ngày 31/12/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 15/7/2022 là:  $860.092.778\text{đồng} \times 10\%/\text{năm} \times = 225.037.973\text{đồng}$ . Tổng cả gốc và lãi buộc bị đơn phải thanh toán là: 1.085.130.751đồng (*Một tỷ không trăm tám mươi năm triệu một trăm ba mươi nghìn bảy trăm năm một đồng*).

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:***

- Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án của Tòa án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng, việc tiến hành công khai chứng cứ, hòa giải, thu thập chứng cứ đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng và việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát tuân thủ đúng thời gian, đầy đủ. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 92, Điều 96, 244 BLTTDS, Điều 280, 531, 533, 468 Bộ luật dân sự, Điều 236, 306, 307 Luật thương mại, Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP TANDTC, Nghị quyết 326 /30.12.2016 của UBTVQH quy định về án phí đề nghị:

+ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH D đối với Công ty TNHH K.

+ Buộc Công ty TNHH Hwaseong Vina phải thanh toán cho Công ty TNHH D số tiền nợ là 860.092.788đồng.

+ Chấp nhận một phần yêu cầu tính lãi chậm thanh toán của Công ty TNHH D đối với Công ty TNHH K. Buộc Công ty TNHH K phải trả cho Công ty TNHH D số tiền lãi chậm thanh toán bằng 10%/năm tính trên số tiền nợ gốc là tiền 860.092.778 đồng kể từ ngày 09/10/2020 đến ngày xét xử.

+ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH D đối với số tiền nợ 13.663.185đồng.

+ Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

### **[1] Về tố tụng.**

*[1.1] Về quan hệ pháp luật.*

Công ty TNHH D (gọi tắt là “**Công ty D**”) khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH K (gọi tắt là “**Công ty K**”) thanh toán trả tiền nợ cước dịch vụ vận chuyển nên xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về “Đòi tiền cước sử dụng dịch vụ vận chuyển” phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

*[1.2] Về thẩm quyền giải quyết:*

Bị đơn là Công ty TNHH K có trụ sở tại phường N, quận Thanh Xuân, Hà Nội. Vì vậy Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

*[1.3] Về sự vắng mặt của bị đơn:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo và triệu tập hợp lệ đối với bị đơn. Ngày 21/6/2021 và ngày 30/10/2021 đại diện của bị đơn là ông C giám đốc có Đơn đề nghị gửi đến Tòa án nêu lý do về việc chưa bố trí được người ủy quyền đến Tòa án tham gia tố tụng để giải quyết vụ án. Sau đó Tòa án tiến hành triệu tập nhiều lần và thông báo về quyền nghĩa vụ tố tụng đối với bị đơn, tuy nhiên phía bị đơn không hợp tác, không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai, không có ý kiến trình bày đối với nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do vậy Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Phiên tòa lần thứ nhất, bị đơn vắng mặt không có lý do nên phải hoãn phiên tòa, tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

### **2. Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.**

*[2.1]* Nguyên đơn khởi kiện đối với bị đơn về việc yêu cầu thanh toán trả tiền nợ sử dụng dịch vụ vận chuyển theo Biên bản đối chiếu công nợ giữa hai bên ngày 05/3/2020, tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 860.092.778đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy.

Giữa nguyên đơn và bị đơn có phát sinh quan hệ cung cấp và sử dụng dịch vụ vận chuyển từ tháng 9/2018 đến tháng 7/2019 nhưng hai bên không ký hợp đồng cụ thể. Tuy nhiên sau mỗi lần bị đơn sử dụng dịch vụ vận chuyển của nguyên đơn, phía nguyên đơn đều có bảng kê cước phí vận chuyển và xuất hóa đơn GTGT kèm theo cho bị đơn. Ngày 05/3/2020, hai bên ký xác nhận công

nợ, tại Thư xác nhận số dư công nợ do Công ty TNHH Kiểm toán A lập, số dư nợ gốc mà bị đơn xác nhận còn nợ nguyên đơn tính đến ngày 31/12/2019 là 860.092.778đồng. Sau khi ký biên bản xác nhận công nợ, nguyên đơn đã nhiều lần thông báo gửi bị đơn về việc yêu cầu trả tiền nợ tuy nhiên phía bị đơn không hợp tác trả tiền theo thông báo.

Thấy rằng, theo quy định tại Điều 531 Bộ luật dân sự 2015 quy định “1. Hợp đồng vận chuyển tài sản được giao kết bằng văn bản, bằng lời nói, hoặc được xác lập bằng hành vi cụ thể; 2. Vận đơn hoặc chứng từ vận chuyển tương đương khác là bằng chứng của việc giao kết hợp đồng giữa các bên”. Điều 533 Bộ luật dân sự 2015 quy định “2. Bên thuê vận chuyển phải thanh toán đủ cước phí vận chuyển sau khi tài sản được chuyển lên phương tiện vận chuyển...”

Thấy rằng mặc dù giữa nguyên đơn và bị đơn không có hợp đồng cụ thể thỏa thuận về việc sử dụng dịch vụ vận chuyển, tuy nhiên căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ bao gồm: Bản kê cước vận chuyển, các hóa đơn giá trị gia tăng mà công ty D đã xuất cho Công ty K, Biên bản xác nhận dư nợ hai bên đã ký ngày 05/3/2020 nên có đủ cơ sở để xác định Công ty K đã sử dụng dịch vụ vận chuyển của Công ty D, số tiền Công ty K còn nợ công ty D tính đến ngày 31/12/2019 là 860.092.778đồng. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty D về việc buộc Công ty K phải thanh toán trả số tiền nợ cho Công ty D tính từ ngày 31/12/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là 860.092.778đồng.

[2.2]. Đối với số tiền nợ 13.663.185đồng (là tiền thu chi hộ bị đơn từ tháng 9/2018 đến tháng 12/2019) theo yêu cầu khởi kiện ban đầu của nguyên đơn. Tại phiên tòa nguyên đơn xin rút yêu cầu và không đề nghị bị đơn phải thanh toán đối với số tiền này, xét thấy đây là sự tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật do vậy cần đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ 13.663.185đồng của nguyên đơn.

[2.3] Xét yêu cầu trả tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán nợ gốc:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán của số tiền 860.092.778đồng, tính từ ngày 31/12/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 15/7/2022 với mức lãi suất 10%/năm là 225.037.973đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ theo quy định tại khoản 6 Điều 236 Luật thương mại 2005, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định về quyền và nghĩa vụ của khách hàng: “Thanh toán cho thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics mọi khoản tiền đã đến hạn thanh toán”. Điều 280 Bộ luật dân sự quy định “2. Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ..., 2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc...”. Điều 306 Luật thương mại năm 2005, sửa đổi năm 2017 “Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền...thì bên vi phạm hợp đồng có quyền yêu

cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm thanh toán trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”.

Theo quy định tại Nghị quyết 01/2019 /NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Tại điều 11 quy định về xác định lãi suất trung bình quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005 *“Trường hợp hợp đồng thuộc phạm vi điều chỉnh tại Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005 thì khi xác định lãi suất chậm trả đối với số tiền chậm trả, Tòa án căn cứ vào mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 03 (ba) ngân hàng thương mại (Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam,...) có trụ sở, chi nhánh... để quyết định mức lãi suất chậm trả, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”*.

Nguyên đơn cung cấp các văn bản tham khảo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường hiện nay của ba Ngân hàng được áp dụng khoảng 11,20%/ năm. Tuy nhiên nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền nợ gốc bị đơn chậm thanh toán tính từ ngày 31/12/2019 với mức lãi suất 10%/năm, nghĩa là thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình hiện nay của ba Ngân hàng. Xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, có lợi cho bị đơn, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Cần buộc buộc Công ty K phải thanh toán trả Công ty D số tiền lãi do chậm trả tiền nợ gốc tính từ ngày 31/12/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 15/7/2022 là 225.037.973đồng

[2.4] Tổng số tiền nợ gốc và lãi Công ty K phải thanh toán trả Công ty D tính từ ngày 31/12/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 15/7/2022 là: 1.085.130.751đồng, trong đó nợ gốc: 860.092.778đồng, tiền lãi là: 225.037.973đồng.

### [3] Về án phí:

Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân về việc buộc bị đơn phải thanh toán trả nguyên đơn số tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán số tiền nợ gốc được tính từ ngày 09/10/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy, tại Thư xác nhận công nợ hai bên xác nhận số tiền nợ gốc

bị đơn còn nợ nguyên đơn tính đến ngày 31/12/2019, do vậy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát không có căn cứ để chấp nhận.

Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: - Điều 236, Điều 306 Luật thương mại;  
- Điều 280, 531, 533 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;  
- Khoản 1 điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.  
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

### **Xử:**

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH D đối với Công ty TNHH K.

[2]. Buộc Công ty TNHH K phải trả Công ty TNHH D tiền nợ cước sử dụng dịch vụ vận chuyển, tính từ ngày 31/12/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 15/7/2022 là **1.085.130.751đồng** (*Một tỷ không trăm tám mươi năm triệu một trăm ba mươi nghìn bảy trăm năm một đồng*); Trong đó nợ gốc: **860.092.778đồng** (*Tám trăm sáu mươi triệu không trăm chín hai nghìn bảy trăm bảy tám đồng*), tiền lãi: **225.037.973đồng** (*Hai trăm hai mươi năm triệu không trăm ba mươi nghìn chín trăm bảy ba đồng*).

[3]. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH D đối với số tiền 13.663.185đồng (*Mười ba triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn một trăm tám năm đồng*).

[4]. Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày người được Thi hành án có đơn xin thi hành án nếu bên phải thi hành án chậm trả tiền thì còn phải chịu lãi suất của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thi thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[5]. Về án phí: Công ty TNHH K phải chịu án phí KDTM sơ thẩm là

44.554.000đồng (*Bốn mươi bốn triệu năm trăm năm tư nghìn đồng*). Hoàn trả lại cho Công ty TNHH D số tiền 19.800.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số thu tiền tạm ứng án phí số 0006718 ngày 02/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

[6]. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND Q. Thanh Xuân;
- Chi cục THADS Q. Thanh Xuân;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**